

HỘI NGHỊ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ 2022

LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

**Tiến độ và các vấn đề sửa đổi, bổ sung
có tác động đến QLNN tại địa phương**

Bắc Giang, 17 - 18/03/2022

NỘI DUNG

- A. Tiến độ sửa Luật (cập nhật)**
- B. Các nội dung sửa đổi, bổ sung trong Luật (cập nhật)**
- C. Kế hoạch tiếp theo**

A. TIẾN ĐỘ

➤ Tháng 10/2021:

DT Luật đã được trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 2.

➤ Tháng 10/2021 – 01/2022:

Phối hợp với UBPL của QH, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu và tiếp thu/giải trình các ý kiến góp ý của các đại biểu QH.

➤ Tháng 02/2022:

UBTVQH (phiên họp thứ 8) cho ý kiến về các nội dung giải trình, chỉnh lý DT Luật trên cơ sở ý kiến của đại biểu QH.

➤ Tháng 03/2022:

Bộ KH&CN báo cáo Chính phủ (*BC số 445/BC-BKH&CN ngày 08/3/2022*) về các vấn đề tiếp thu, giải trình, chỉnh lý DT Luật theo ý kiến của UBTVQH.

B. CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

- I. **Sáng chế** (9 vấn đề)
- II. **Kiểu dáng công nghiệp** (4 vấn đề)
- III. **Nhãn hiệu** (10 vấn đề)
- IV. **Chỉ dẫn địa lý** (6 vấn đề)
- V. **Cạnh tranh không lành mạnh** (1 vấn đề)
- VI. **Thông tin bí mật** (1 vấn đề)
- VII. **Thủ tục** (2 vấn đề)
- VIII. **Đại diện** (4 vấn đề)
- IX. **Bảo vệ quyền** (3 vấn đề)

B.I. SÁNG CHẾ

1) **Đánh giá tính mới (Đ60)**

Bổ sung đối chứng trong đơn nộp trước bộc lộ trong/sau ngày nộp đơn.

2) **Yêu cầu chung đối với đơn (Đ100)**

Bổ sung YC nộp TL về nguồn gen/TTTT nếu SC trực tiếp dựa trên đó.

3) **Thẩm định hình thức đơn (Đ109)**

Từ chối hình thức nếu đơn nộp trái KS an ninh.

4) **Từ chối cấp VBBH (Đ117)**

Bổ sung 5 TH:

- SC ko bộc lộ đầy đủ, rõ ràng;
- SC vượt phạm vi bộc lộ trong bản mô tả;
- Sửa đổi SC làm mở rộng phạm vi/thay đổi bản chất;
- SC nộp trái KS an ninh;
- SC không bộc lộ/ bộc lộ không chính xác nguồn gốc

nguồn gen/TTTT.

5) **Hủy bỏ hiệu lực (Đ96)**

Bổ sung 5 TH:

- Tương tự như 5 trường hợp từ chối cấp;

Thêm 1 TH:

- SC không đáp ứng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên;

B.I. SÁNG CHẾ (tiếp)

6) CS khuyến khích đối với SC/KDCN/TKBT từ NSNN

- Trao quyền ĐK cho tổ chức chủ trì (Đ86a):

- + Sử dụng toàn bộ NSNN: Có toàn bộ quyền ĐK.
- + Sử dụng 1 phần NSNN: Có 1 phần quyền ĐK.
- + NN giữ quyền ĐK trong lĩnh vực QP, AN.

- Quyền của NN (Đ133a):

- + Giao cho TC, CN khác nếu TC chủ trì không thực hiện nghĩa vụ.
- + Công khai nội dung cho toàn XH tiếp cận.
- + YC chuyển quyền SD cho bên thứ 3 trong các TH:
 - Không sử dụng hiệu quả trong khoảng thời gian hợp lý;
 - Mục đích công cộng, phí thương mại, QP, AN, cấp thiết.

- Nghĩa vụ TC chủ trì (Đ136a):

- + Thông báo đối tượng tạo ra
- + ĐK xác lập quyền trong vòng 6 tháng
- + Trả thù lao cho tác giả; và chia/ sử dụng phần lợi nhuận sau thuế
- + Báo cáo định kỳ về việc sử dụng và bảo vệ quyền

- Hạn chế quyền (Đ139.6):

- + Chỉ chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân VN

B.I. SÁNG CHẾ (tiếp)

7) Sáng chế mật/Kiểm soát an ninh sáng chế

- Bổ sung Đ4.12a về định nghĩa SC mật.
- Bổ sung Đ89a về KS an ninh:
 - + *Đối tượng*: SC tác động đến ANQP, tạo ra tại VN;
 - + *Chủ thể*: Công dân VN, th/trú tại VN; TC thành lập theo PLVN;
 - chỉ nộp ra nước ngoài nếu đã nộp tại VN

8) Đền bù sáng chế (Bổ sung Đ131a)

- Chủ BĐQSC không phải nộp phí sử dụng VBBH với một số điều kiện cụ thể.

9) Bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng SC

- Bổ sung quy định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế để xuất khẩu (Đ145.1.đ & Đ147.1).
- Sửa đổi quy định hạn chế về thị trường và nghĩa vụ trả tiền đền bù (Đ146.1.b, d & đ).

B.II. KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

1) Kiểu dáng bộ phận (Đ4.13)

Bổ sung KDCN là bộ phận của SP hoàn chỉnh.

2) Hiệu lực VBBH (Đ93)

Bổ sung thời điểm hiệu lực của đăng ký QT KDCN theo La Hay

3) Đơn giản hóa bản mô tả (Đ103)

Tài liệu xác định KDCN:

- **Bộ ảnh chụp** (thể hiện đầy đủ KDCN).

- **Bản mô tả bộ ảnh chụp** (liệt kê bộ ảnh, đặc điểm tạo dáng của KDCN trong bộ ảnh).

4) Trì hoãn công bố đơn (Đ110)

Cho phép công bố muộn theo YC nhưng không quá 7 tháng.

B.III. NHÃN HIỆU

1) Nhãn hiệu âm thanh

Bổ sung đối tượng NH âm thanh (Đ72) và Dấu hiệu loại trừ (Đ73).

2) Thời điểm lấy đối chứng

Đ74.2: Tại thời điểm nộp đơn.

3) Nhãn hiệu liên kết

Bỏ khái niệm (Đ4.19); Sửa lời văn đánh giá đối chứng NHLK (Đ74.2.e).

4) Nhãn hiệu nổi tiếng

Giới hạn NTD liên quan (Đ4.20); Linh động tiêu chí đánh giá (Đ75).

5) Xung đột NH – các đối tượng khác

- Bổ sung (Đ74.2.o) đối chứng đánh giá là tên GCT đã ĐK bảo hộ;
- Bổ sung (Đ74.2.p) đối chứng đánh giá là đối tượng QTG.

B.III. NHÃN HIỆU (tiếp)

6) **Đối chứng của nhãn hiệu hết hiệu lực**

- Đ74.2.h:
- Giảm thời gian quên lãng NH 5 năm → 3 năm;
 - Vượt đối chứng:
 - + Đề nghị tạm dừng thẩm định (Đ117.3.b);
 - + Đề nghị chấm dứt HL do không SD (Đ95.1.d)

7) **Hiệu lực VBBH (Đ93)**

Bổ sung thời điểm hiệu lực của ĐKQT NH theo Madrid

8) **Chấm dứt hiệu lực (Đ95)**

- Bổ sung 2 căn cứ:
- + Sử dụng NH làm công chúng hiểu sai lệch
 - + NH được bảo hộ trở thành tên gọi thông thường

9) **Hủy bỏ hiệu lực (Đ96)**

Bổ sung căn cứ: NNĐ đăng ký NH với dụng ý xấu (Đ96.1.a)

10) **Từ chối cấp (Đ117)**

Bổ sung căn cứ từ chối nếu không có quyền nộp đơn và đăng ký với dụng ý xấu (K1.b) và tạm dừng nếu vụ việc được kiện ra Tòa (K3.c)

B.IV. CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

1) Chỉ dẫn địa lý đồng âm

Bổ sung khái niệm CDĐL đồng âm (Đ4.22a); điều kiện bảo hộ CDĐL đồng âm (Đ79); tài liệu phải nộp trong đơn CDĐL đồng âm (Đ106.1.e).

2) Quyền đối với chỉ dẫn địa lý (Đ88)

Bổ sung quyền đăng ký CDĐL của TC, cá nhân nước ngoài (từ NĐ đưa lên).

3) Văn bằng bảo hộ (Đ92)

Bổ quy định ghi nhận TC, cá nhân có quyền sử dụng trong VBBH.

4) Chấm dứt hiệu lực (Đ95)

Bổ sung căn cứ chấm dứt hiệu lực nếu CDĐL nước ngoài không còn được bảo hộ tại nước xuất xứ.

5) Sửa đổi VBBH (Đ97)

Bổ sung người có quyền YC sửa là “người thực hiện quyền đăng ký CDĐL”

6) Chủ sở hữu và quyền của chủ sở hữu

- Bổ sung quy định CP hướng dẫn thực hiện quyền quản lý (Đ121);
- Bổ quy định TC quản lý CDĐL có quyền cho phép sử dụng (Đ123.2.a).

B.V. CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH

1) Xung đột NH, TTM, CDĐL – Tên miền (Đ130)

Làm rõ việc chiếm giữ tên miền trùng/tương tự với NH, TTM, CDĐL phải “với dụng ý xấu” và nhằm “thu lợi bất chính”

B.VI. THÔNG TIN BÍ MẬT

1) Cơ chế bảo hộ dữ liệu thử nghiệm (Đ128)

- Bổ sung quy định về nghĩa vụ công bố thông tin về đơn được phẩm nộp sau của BYT (5 tháng trước khi cấp phép);
- Bổ sung cơ chế bảo hộ dữ liệu đối với nông hóa phẩm (cơ chế độc quyền; thời hạn bảo hộ 10 năm).

B.VII. CÁC VẤN ĐỀ THỦ TỤC

1) Ý kiến người thứ ba

- Phân luồng ý kiến người thứ 3 thành 2 luồng:
 - ❖ **Sửa Đ112:** YK người thứ 3 là nguồn thông tin tham khảo
 - ❖ **Bổ sung Đ112a:**
 - YK phản đối phải nộp kèm chứng cứ chứng minh;
 - Phải nộp phí, lệ phí;
 - Chỉ được phản đối trong thời hạn xác định (*SC: 9 tháng; KDCN: 4 tháng; NH, 5 tháng; CDĐL: 3 tháng*);
 - Cơ quan xác lập quyền phải xử lý.

2) Khiếu nại trong SHCN

Bổ sung Đ119a:

- Đưa một số quy định khiếu nại từ Thông tư 01/2007/TT-BKHCN lên Luật để thể hiện đặc thù (*người có quyền khiếu nại; đối tượng; nộp khiếu nại qua đại diện; phải nộp phí nếu thẩm định lại; thời hạn giải quyết khiếu nại không bao gồm thời hạn thẩm định lại*).

B.VIII. ĐẠI DIỆN SHCN

1) Trách nhiệm của đại diện (Đ153)

- Bỏ quy định về trách nhiệm thông báo các khoản và các mức phí dịch vụ.

2) Điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện (Đ154)

- Thay GCN đăng ký KD → có ít nhất 01 cá nhân có Chứng chỉ hành nghề để phù hợp Luật DN.

3) Phân loại lĩnh vực và điều kiện hành nghề (Đ155)

+ *Phân loại lĩnh vực:*

- ❖ Lĩnh vực 1 (NH, CDĐL, TTM, CTKLM, BMKD);
- ❖ Lĩnh vực 2 (SC, KDCN, TKBT).

+ *Phân loại điều kiện hành nghề:*

- ❖ Cá nhân: - hành nghề lĩnh vực 1: bằng ĐH,
- hành nghề lĩnh vực 2: bằng ĐH chuyên ngành KHKT;
- ❖ Luật sư: - hành nghề lĩnh vực 1: tốt nghiệp khóa ĐT về SHCN.

B.IX. BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1) Giám định về SHTT (Đ201)

- Bổ sung lời văn phân định GD tư pháp về SHTT và GD SHTT (Đ201.1).
- Bổ sung: + lĩnh vực GD SHTT (Đ201.1a);
+ nguyên tắc thực hiện GD (Đ201.4);
+ giá trị pháp lý của kết luận GD (Đ201.5).
- Làm rõ điều kiện TC hoạt động GD (Đ201.2): có ít nhất 01 cá nhân có Thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ.

2) Hàng hóa giả mạo về SHTT (Đ213)

- HH giả mạo NH/CDĐL: bổ sung tem, nhãn;
- Tách khái niệm HH giả mạo CDĐL thành khoản riêng (khoản 3).
- Sửa khái niệm HH giả mạo NH:

trùng/khó phân biệt → trùng/tương tự đến mức khó phân biệt.

B.IX. BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

3) Kiểm soát biên giới

- **Bổ sung chủ động tạm dừng (Đ216.2.b)**
 - + *Đ/tượng*: HH giả mạo SHTT;
 - + *Luồng*: Cả xuất khẩu, nhập khẩu.
- **Bổ sung thủ tục nếu chủ động tạm dừng (Đ218.4):**
 - + Thông báo các bên (nếu có th/tin liên hệ);
 - + Thông quan (nếu trong 10 ngày không phát sinh khởi kiện/thụ lý).

C. KẾ HOẠCH TIẾP THEO

➤ Tháng 3 - 4/2022:

- Tổ chức các hội thảo, tọa đàm, khảo sát;
- Gửi xin ý kiến các Đoàn đại biểu QH, các cơ quan QH, Mặt trận Tổ quốc v.v.

➤ Tháng 4/2022:

Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tiếp tục hoàn thiện DT Luật.

➤ Tháng 5 - 6/2022:

Dự kiến trình QH xem xét và thông qua tại kỳ họp thứ 3 QH khóa XV.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

Cục Sở hữu trí tuệ

E-mail: phapche.chinh sach@ipvietnam.gov.vn